

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề cương nhiệm vụ Quy hoạch vùng nguyên liệu cho nhà máy chế biến lâm sản DOKATA đến năm 2020, định hướng đến năm 2025

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội; số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006;

Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31/10/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc Hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ Quyết định số 4833/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển nông nghiệp tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 4323/SKHĐT-KTNN ngày 13/10/2016 về việc báo cáo kết quả thẩm định Đề cương nhiệm vụ Quy hoạch vùng nguyên liệu cho nhà máy chế biến lâm sản DOKATA đến năm 2020, định hướng đến năm 2025,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề cương nhiệm vụ Quy hoạch vùng nguyên liệu cho nhà máy chế biến lâm sản DOKATA đến năm 2020, định hướng đến năm 2025, với các nội dung chủ yếu sau:

I. Tên dự án: Quy hoạch vùng nguyên liệu cho nhà máy chế biến lâm sản DOKATA đến năm 2020, định hướng đến năm 2025.

II. Cấp quyết định đầu tư: UBND tỉnh Thanh Hóa.

III. Cơ quan lập quy hoạch: Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Thanh Hóa.

IV. Phạm vi, đối tượng và thời kỳ quy hoạch

1. Phạm vi, đối tượng: 25.000 ha rừng sản xuất tại 03 huyện Thường Xuân, Thọ Xuân và Triệu Sơn.

2. Thời kỳ quy hoạch: Giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025.

V. Mục tiêu, yêu cầu quy hoạch

Mục tiêu: Khai thác, sử dụng hiệu quả tiềm năng đất đai hiện có, nâng cao giá trị rừng trồng theo hướng tập trung, thâm canh, gắn hiệu quả kinh tế với phát triển bền vững; cung cấp nguồn nguyên liệu cho nhà máy chế biến lâm sản DOKATA, đảm bảo nhà máy hoạt động ổn định, có hiệu quả gắn với cấp chứng chỉ rừng (FSC), góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống nhân dân.

Yêu cầu: Quy hoạch vùng nguyên liệu cho nhà máy chế biến lâm sản DOKATA đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 phải phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật về công tác quy hoạch; phù hợp với Quy hoạch vùng nguyên liệu cho các nhà máy chế biến gỗ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2025, Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của 03 huyện Thường Xuân, Thọ Xuân, Triệu Sơn và các quy hoạch ngành, lĩnh vực khác liên quan; các phương án quy hoạch và giải pháp thực hiện phải đầy đủ cơ sở khoa học và thực tiễn, có tính khả thi cao và phù hợp với điều kiện đặc thù của từng địa phương.

VI. Nhiệm vụ quy hoạch

1. Điều tra, phân tích, đánh giá hiện trạng vùng nguyên liệu phục vụ nhà máy DOKATA trên địa bàn 03 huyện Thường Xuân, Thọ Xuân và Triệu Sơn.

2. Đánh giá kết quả phát triển vùng nguyên liệu phục vụ nhà máy DOKATA trên địa bàn 03 huyện Thường Xuân, Thọ Xuân và Triệu Sơn.

3. Xây dựng Quy hoạch vùng nguyên liệu cho nhà máy chế biến lâm sản DOKATA đến năm 2020, định hướng đến năm 2025.

VII. Nội dung Đề cương nhiệm vụ Quy hoạch vùng nguyên liệu cho nhà máy chế biến lâm sản DOKATA đến năm 2020, định hướng đến năm 2025.

1. Phần mở đầu: Sự cần thiết và căn cứ pháp lý để lập quy hoạch

1.1. Luận chứng về sự cần thiết của việc lập Quy hoạch vùng nguyên liệu cho nhà máy chế biến lâm sản DOKATA đến năm 2020, định hướng đến năm 2025.

1.2. Những căn cứ pháp lý để lập quy hoạch.

2. Phần thứ nhất: Đánh giá các điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội tác động đến vùng quy hoạch.

1. Điều kiện tự nhiên: Vị trí địa lý, khí hậu, thủy văn, địa hình và thổ nhưỡng (trong đó đánh giá cụ thể thổ nhưỡng trong vùng lập quy hoạch để xem xét các loài cây phù hợp với thổ nhưỡng, đáp ứng nhu cầu của nhà máy và sự phù hợp của lựa chọn vùng lập quy hoạch), hiện trạng đất đai,...

2. Thực trạng phát triển kinh tế - xã hội: Dân số, dân tộc, lao động, thu nhập bình quân, các ngành sản xuất chính, tỷ lệ đói nghèo,...

3. Thực trạng cơ sở hạ tầng vùng quy hoạch và cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất lâm nghiệp: Đường lâm nghiệp, vườn ươm giống cây lâm nghiệp, các công trình lâm sinh, thiết bị phục vụ PCCCR,...

4. Đánh giá khái quát về các điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội tác động đến sự phát triển của vùng nguyên liệu.

3. Phần thứ hai: Thực trạng vùng nguyên liệu và các cơ sở chế biến lâm sản vùng quy hoạch.

3.1. Thực trạng vùng nguyên liệu và các hoạt động chế biến lâm sản vùng quy hoạch.

- Đánh giá về thực trạng bảo vệ, trồng rừng, chăm sóc rừng và khai thác trong vùng nguyên liệu trong giai đoạn 2011 - 2015.

- Đánh giá về diện tích đất rừng sản xuất trong vùng lập quy hoạch, theo đó thống kê cụ thể diện tích đã sử dụng và diện tích chưa sử dụng.

- Đánh giá hiện trạng rừng trồng rừng trên địa bàn các huyện thuộc vùng quy hoạch theo từng chủ rừng, lô, khoảnh, tiểu khu: Diện tích, năm trồng, dự kiến năng suất và trữ lượng, các loại cây thường trồng trong vùng quy hoạch.

- Đánh giá tình hình hoạt động của các cơ sở chế biến lâm sản; thị trường tiêu thụ lâm sản thuộc vùng quy hoạch.

- Đánh giá về nhu cầu tiêu thụ, chủng loại nguyên liệu, phương thức thu mua nguyên liệu; đồng thời, đánh giá các yếu tố tác động đến phát triển vùng nguyên liệu.

3.2. Điều tra, đánh giá hiện trạng hệ thống vườn ươm, rừng giống; cơ cấu cây trồng rừng sản xuất.

3.3. Đánh giá về các cơ chế, chính sách về phát triển rừng trồng thuộc vùng quy hoạch.

3.4. Những thuận lợi, khó khăn trong phát triển rừng trồng nguyên liệu của Nhà máy chế biến lâm sản DOKATA.

3.5. Dự báo tiềm năng phát triển rừng trồng nguyên liệu, nhu cầu gỗ nguyên liệu, thị trường tiêu thụ gỗ và các sản phẩm từ gỗ; Dự báo về nguồn nhân lực; tiềm năng phát triển rừng trồng nguyên liệu; nhu cầu gỗ nguyên liệu; thị trường tiêu thụ gỗ và các sản phẩm từ gỗ; cơ hội, thách thức tác động đến phát triển rừng trồng nguyên liệu nhà máy chế biến lâm sản DOKATA.

4. Phần thứ ba: Quy hoạch vùng nguyên liệu cho nhà máy chế biến lâm sản DOKATA đến năm 2020, định hướng đến năm 2025.

4.1. Quan điểm phát triển vùng nguyên liệu

4.2. Định hướng phát triển vùng nguyên liệu

- Định hướng liên doanh, liên kết giữa nhà máy với các chủ rừng nhà nước, hộ gia đình, cá nhân.

- Định hướng cơ chế phân chia lợi nhuận, giá cả thu mua gỗ nguyên liệu phục vụ chế biến của nhà máy.

4.2. Mục tiêu quy hoạch: Mục tiêu chung; mục tiêu cụ thể.

4.3. Nhiệm vụ quy hoạch:

4.3.1. Quy hoạch vùng nguyên liệu:

- Quy hoạch vùng nguyên liệu theo huyện.

- Quy hoạch vùng nguyên liệu theo chủ quản lý.

- Quy hoạch vùng nguyên liệu theo hiện trạng sử dụng đất.

- Quy hoạch vùng nguyên liệu phục vụ triển khai cấp chứng chỉ rừng (FSC).

4.3.2. Quy hoạch sản xuất:

- Quy hoạch bảo vệ rừng vùng nguyên liệu hiện có: Diện tích, địa điểm, phương pháp, nhu cầu vốn...

- Quy hoạch vùng trồng mới rừng nguyên liệu (trồng trên diện tích đất trống quy hoạch rừng sản xuất và trồng trên diện tích rừng trồng sau khai thác): Diện tích, địa điểm, loài cây trồng, phương thức trồng, nhu cầu vốn,...

- Quy hoạch khai thác rừng trồng nguyên liệu: Diện tích, địa điểm, thời gian, sản lượng khai thác hàng năm, phương pháp khai thác, nhu cầu vốn,...

- Quy hoạch đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất lâm nghiệp: Đường lâm nghiệp phục vụ vùng nguyên liệu, vườn ươm,...

5. Phần thứ tư: Các giải pháp thực hiện quy hoạch.

- Giải pháp về đất đai.

- Giải pháp về quản lý và tổ chức sản xuất.

- Giải pháp về giống.

- Giải pháp về khoa học, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật.

- Giải pháp về thị trường và thu hút đầu tư.

- Giải pháp về cơ chế chính sách.

- Giải pháp vốn đầu tư.

6. *Tổng vốn đầu tư và hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường.*

7. *Tổ chức thực hiện.*

8. *Kết luận và kiến nghị*

VIII. Sản phẩm giao nộp

- Báo cáo quy hoạch, báo cáo tóm tắt.

- Bản đồ hiện trạng, bản đồ quy hoạch theo quy định tại Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31/10/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Số lượng báo cáo và bản đồ theo quy định.

IX. Thời gian thực hiện: Hoàn thành và trình phê duyệt quy hoạch trong Quý I năm 2017.

X. Kinh phí lập dự án quy hoạch: Vốn tự có của Công ty Cổ phần DOKATA.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Sở Nông nghiệp và PTNT căn cứ nội dung Đề cương được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này triển khai thực hiện các bước tiếp theo, đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị liên quan theo chức năng nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm giải quyết các công việc liên quan đến quy hoạch.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư; Nông nghiệp và PTNT; Công ty Cổ phần DOKATA; Chủ tịch UBND các huyện: Thường Xuân, Thọ Xuân, Triệu Sơn, Thủ trưởng các ngành, đơn vị, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

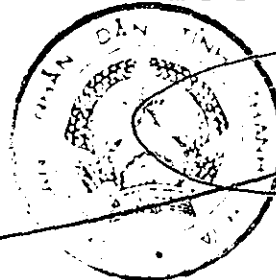
- Như điều 3 QĐ (để thực hiện);

- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);

- Lưu: VT, NN.

(Truc103)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Quyền